

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2022/HS - ST

Ngày 14 – 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Hoàng Thị Phụng

- Thư ký phiên Tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2022/TLST - HS ngày 18 tháng 8 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2022/QĐXXST- HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo: **Phạm Đình T**, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1987 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Số nhà 356, đường HVT, tổ 02, xã VC, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình P (Đã chết) và bà Vũ Thị T. Vợ: Tạ Thị N, sinh năm 1996 (Đã ly hôn). Có hai con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (Bị cáo có mặt tại phiên Tòa).

*** Bị hại:** Ông Lê Đức K, sinh năm 1952.

Nơi cư trú: Số nhà 354, đường LB, tổ 20, phường TP, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

*** Người làm chứng:**

- Anh Vũ Văn C, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn TV, xã VC, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

(Vắng mặt: Ông K, ông C).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng giữa năm 2021, Phạm Đình T đến làm thuê cho ông Kinh. Công việc của T được ông K giao là đi giao hàng cho khách. Cuối năm 2021 (T không nhớ chính xác ngày, tháng), sau khi giao hàng xong thì T đi xích lô về đến cửa kho nhà ông Kinh. Thấy cửa kho khóa, T đã liên hệ với ông K để lấy chìa khóa mở cửa kho cất xích lô. Sau khi cất xích lô, T khóa cửa kho lại rồi đi về nhà ông K đưa chìa khóa. Trên đường về nhà ông K, T thấy có một người đàn ông đánh chìa khóa lưu động trên đường Lê Quý Đôn, thành phố Thái Bình, T đã thuê người đàn ông trên phố 01 chiếc chìa khóa kho với ý định khi nào có cơ hội sẽ sử dụng chìa khóa đó để mở cửa kho trộm cắp hàng của nhà ông K. Sau đó, T về nhà ông K giao lại chiếc chìa khóa kho cho ông Kinh, còn chiếc chìa khóa kho (phô tô) T cất giấu tại nhà. Đến đầu năm 2022, T nghỉ làm thuê cho ông Kinh. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 12 giờ 30 phút ngày 28/5/2022, T điều khiển xe máy Suzuki - Smash, sơn màu xanh, biển số 17K2 - 9746 mang theo chìa khóa phô tô đến trước cửa kho nhà ông K, thấy không có ai trông coi, đường vắng người đi lại, T đã sử dụng chìa khóa mở cửa kho và đi vào trong kho trộm cắp: 01 cuộn lưới xanh, loại khổ rộng 1 m, trọng lượng 17,2kg; 01 cuộn lưới trắng, loại khổ rộng 1 m, trọng lượng 14,2kg; 01 cuộn lưới đen Thái Lan, loại khổ rộng 2 m, dài 100 m; 01 cuộn nilon trắng, loại khổ rộng 80 cm, trọng lượng 41,4kg; 01 cuộn nilon trắng, loại khổ rộng 70 cm, trọng lượng 39,8kg; 02 cuộn bạt kẻ sọc của hãng Tú Phương, cùng có khổ rộng 4 m, dài 50 m; 01 cuộn bạt vàng - xanh, loại khổ rộng 4 m, dài 50 m, trọng lượng 34 kg (tất cả các tài sản đều chưa qua sử dụng) đặt lên xe máy của T, rồi khóa cửa kho lại. Sau đó T điều khiển xe máy chở số tài sản trộm cắp trên đến nhà em họ của T là Vũ Văn Chính, khi đến nhà anh C thì T thấy không có ai ở nhà nên T để số tài sản trộm cắp trên ở trước cửa nhà anh C rồi đi về nhà mình. Đến khoảng 18h cùng ngày, T đến nhà anh Chính nói “*Cho anh gửi mấy cuộn bạt, nilon, nhà anh chặt, mai anh gửi cho khách*”, anh C đồng ý. Đến ngày 29/5/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã triệu tập T lên làm việc.

Bản kết luận định giá tài sản số 21/KL - HĐĐGTS ngày 03/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: tổng trị giá tài sản mà bị cáo Phạm Đình T trộm cắp ngày 28/5/2022 là 8.864.200 đồng.

Tại phiên Tòa bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 122/CT- VKSTPTB ngày 18/8/2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Phạm Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo T về tội danh và điều luật như bản cáo trạng số 122/CT-VKSTPTB và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s, i khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Đình T. Xử phạt bị cáo T từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Đức K đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thiệt hại bị xâm phạm nên không giải quyết. Không áp dụng hình phạt bổ sung và đề nghị xử lý vật chứng.

Bị cáo T không có ý kiến gì tranh luận với Kiểm sát viên về bản luận tội đối với bị cáo tại phiên Tòa. Bị cáo T nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Bị cáo, bị hại và người chứng kiến không khiếu nại hay có ý kiến gì nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên Tòa hôm nay phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại ông Lê Đức K; biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường do Công an thành phố Thái Bình; kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 03/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình; kết luận giám định số 113/KL-KTHS (KT) ngày 07/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình và lời khai người chứng kiến là anh Vũ Văn C. Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên khoảng 12 giờ 30 phút ngày 28/5/2022, Phạm Đình T điều khiển xe máy Suzuki - Smash, sơn màu xanh, biển số 17K2 - 9746 đến kho để hàng tại số nhà 47, đường Trần Khánh Dư, tổ 12, phường Bò Xuyên, thành phố Thái Bình của ông Lê Đức K. T đã sử dụng chìa khóa phôi tô để mở cửa khóa kho trộm cắp: 01 cuộn lưới xanh, loại khổ rộng 1m, trọng lượng 17,2 kg; 01 cuộn lưới trắng, loại khổ rộng 1 m, trọng lượng 14,2kg; 01 cuộn lưới đen Thái Lan, loại khổ rộng 2 m, dài 100 m; 01 cuộn nilon trắng, loại khổ rộng 80 cm, trọng lượng 41,4kg; 01 cuộn nilon trắng, loại khổ rộng 70 cm, trọng lượng

39,8kg; 02 cuộn bạt kẻ sọc của hãng Tú Phương, cùng có khổ rộng 4 m, dài 50 m; 01 cuộn bạt vàng - xanh, loại khổ rộng 4 m, dài 50 m, trọng lượng 34 kg. Tổng trị giá tài sản là 8.864.200 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo T đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo T đã có hành vi bí mật lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông K để chiếm đoạt tài sản, với giá trị chiếm đoạt là 8.864.200 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Đình T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo:

[4.1]. Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, là người có nhân thân tốt.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, tài sản bị cáo trộm cắp trị giá 8.864.200 đồng đồng là “Gây thiệt hại không lớn”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm h, s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về hình phạt:

[5.1]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo và nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo Phạm Đình T không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết

tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú.

[5.2]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo T có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Đức K đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm nên không phải giải quyết.

[7]. Về vật chứng: Đối với một chìa khóa bằng kim loại sáng màu, trên chiếc chìa khóa có chữ VN – LOCK là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy và một chiếc áo sơ mi dài tay màu đỏ đen của là tài sản của bị cáo T, bị cáo không đề nghị nhận lại nên cần tịch thu, tiêu hủy là phù hợp.

[8]. Về vấn đề khác trong vụ án: Đối với anh Vũ Văn C không biết những đồ vật, tài sản T gửi tại nhà mình là do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình không có căn cứ xử lý đối với anh Chính. Đối với xe máy dán nhãn hiệu Suzuki –Smash, sơn màu xanh, biển số 17K2 - 9746, đã qua sử dụng, bị cáo T đã sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên mang tên chị Bùi Thị N, sinh năm 1983, trú tại: Xóm 8, xã Nam Cao, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên từ năm 2019, chị Nết không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình tiếp tục xác minh xử lý sau.

[9]. Về án phí: Bị cáo T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s, i khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 50 Bộ luật Hình sự. Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Đình T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Đình T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Đình T cho Ủy ban nhân dân xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 4 điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019 và tại khoản 3 điều 92 người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú được hướng dẫn tại Điều 3, chương II thông tư 64/2019/TT- BCA ngày 28/11/2019.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới".

3. Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Đức K không yêu cầu bị cáo Phạm Đình T phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm nên không giải quyết.

4. Về vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy một chìa khóa bằng kim loại sáng màu, trên chiếc chìa khóa có chữ VN – LOCK và một chiếc áo sơ mi dài tay màu đỏ đen của bị cáo Phạm Đình T.

5. Về án phí: Bị cáo Phạm Đình T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 14/9/2022. Ông K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- CQCSĐT Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh

